



TRUNG TÂM THAI NGUYỄN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 5.20

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32622850200001000	NGUYEN NGOC ANH	女	2008-05-10	031308015540	LE 5.20	
2	H32622850200001001	DO THI HAU	女	1982-04-22	033182001867	LE 5.20	
3	H32622850200001002	NGUYEN THI TRANG	女	1995-08-16	033195002159	LE 5.20	
4	H32622850200001003	NGUYEN ANH TAM	男	2003-09-17	033203006850	LE 5.20	
5	H32622850200001004	TRAN TUAN ANH	男	2008-01-23	033208013839	LE 5.20	
6	H32622850200001005	HOANG ANH THU	女	2004-01-22	033304004102	LE 5.20	
7	H32622850200001006	TRAN THI DUYEN	女	2005-03-23	033305005244	LE 5.20	
8	H32622850200001007	DO THI HOANG VI	女	2005-07-08	033305005458	LE 5.20	
9	H32622850200001008	DAO NHAT TIEN	女	2007-01-23	033307003299	LE 5.20	
10	H32622850200001009	DAO DIEU HUYEN	女	2008-09-27	033308005957	LE 5.20	
11	H32622850200001010	NGUYEN THI THANH TRANG	女	1996-05-06	034196002134	LE 5.20	
12	H32622850200001011	NGUYEN CONG HOANG	男	2000-09-26	034200008679	LE 5.20	
13	H32622850200001012	LAI THI THUY	女	2001-09-29	034301003211	LE 5.20	
14	H32622850200001013	LE BAO NGOC	女	2005-09-20	034305000792	LE 5.20	
15	H32622850200001014	NGUYEN THAO UYEN	女	2008-12-14	034308000435	LE 5.20	
16	H32622850200001015	NGUYEN NGOC MINH CHAU	女	2008-02-23	034308002369	LE 5.20	
17	H32622850200001016	VU THI QUYNH CHI	女	2008-03-03	034308004184	LE 5.20	
18	H32622850200001017	TRAN THI THANH	女	2008-04-17	034308009213	LE 5.20	
19	H32622850200001018	NGUYEN THI CAT TIEN	女	2009-07-22	034309013666	LE 5.20	
20	H32622850200001019	VU HAI YEN	女	2010-08-22	034310008493	LE 5.20	
21	H32622850200001020	TRAN THI THUY	女	1992-07-26	035192002586	LE 5.20	
22	H32622850200001021	NGUYEN VAN QUANG	男	2004-01-01	035204007468	LE 5.20	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE4.22

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32622850200001022	NGUYEN HUU GIA MINH	男	2007-06-09	035207000622	LE4.22	
2	H32622850200001023	DUONG THI HAI ANH	女	2003-12-12	035303003621	LE4.22	
3	H32622850200001024	NGUYEN THU HIEN	女	1990-09-01	036190016331	LE4.22	
4	H32622850200001025	VU DANG THUAN	男	2008-06-18	036208009627	LE4.22	
5	H32622850200001026	VU THI NGOC QUYNH	女	2000-04-05	036300009365	LE4.22	
6	H32622850200001027	VU CAM TU	女	2004-09-08	036304004519	LE4.22	
7	H32622850200001028	TRAN KHANH LINH	女	2008-03-02	036308001330	LE4.22	
8	H32622850200001029	LUONG KHANH LINH	女	2008-03-15	036308014826	LE4.22	
9	H32622850200001030	QUACH THI CAM VAN	女	2000-10-07	037300001897	LE4.22	
10	H32622850200001031	DINH THI VAN ANH	女	2008-08-28	037308001601	LE4.22	
11	H32622850200001032	DAO NGAN HA	女	2008-09-12	037308008200	LE4.22	
12	H32622850200001033	TRINH XUAN SON	男	2008-07-19	038208001095	LE4.22	
13	H32622850200001034	NGUYEN THI KIEU TRANG	女	2002-05-06	038302010285	LE4.22	
14	H32622850200001035	VUONG THI DUNG	女	2005-01-29	038305007416	LE4.22	
15	H32622850200001036	THIEU LAN PHUONG	女	2008-11-05	038308007027	LE4.22	
16	H32622850200001037	PHAM LE THANH THAO	女	2008-11-14	038308017573	LE4.22	
17	H32622850200001038	NGUYEN THI BAO VAN	女	2008-09-30	038308025917	LE4.22	
18	H32622850200001039	VAN THI ANH	女	1991-05-06	040191012419	LE4.22	
19	H32622850200001040	BUI HUY TUYEN	男	2004-05-17	040204023968	LE4.22	
20	H32622850200001041	NGUYEN HUU THOA	男	2008-02-16	040208017651	LE4.22	
21	H32622850200001042	NGUYEN HOAI NAM	男	2009-07-14	040209011802	LE4.22	
22	H32622850200001043	LE HIEN THUONG	女	2004-11-02	040304005029	LE4.22	
23	H32622850200001044	TRAN THI QUYNH TRANG	女	2004-02-21	040304005075	LE4.22	
24	H32622850200001045	LE THI DIEU THAO	女	2008-12-15	040308003543	LE4.22	
25	H32622850200001046	NGUYEN THUY HANG	女	2008-02-11	040308015209	LE4.22	
26	H32622850200001047	DAO THI THUY HAU	女	2008-04-12	040308024785	LE4.22	
27	H32622850200001048	PHAM THI QUYNH NHU	女	2002-10-09	042302005152	LE4.22	
28	H32622850200001049	HOANG LE ANH THI	女	2008-10-30	046308007940	LE4.22	
29	H32622850200001050	LA THIEN KIM	女	2004-08-11	074304000133	LE4.22	
30	H32622850200001051	TRAN HOANG NHI	女	2004-06-21	074304007276	LE4.22	
31	H32622850200001052	DANG TRAN THUY AN	女	2004-05-18	074304008125	LE4.22	
32	H32622850200001053	KHUONG QUYNH CHI	女	2008-01-05	075308000948	LE4.22	
33	H32622850200001054	NGUYEN THI THU THUY	女	2009-03-31	075309012437	LE4.22	
34	H32622850200001055	QUACH MAI TIEN DAT	男	2004-04-01	079204001871	LE4.22	
35	H32622850200001056	NGUYEN MINH YEN LINH	女	2004-10-10	079304011671	LE4.22	
36	H32622850200001057	NGUYEN THI THANH	女	2004-06-23	091304004186	LE4.22	
37	H32622850200001058	CHEN CAIYAN	女	2009-05-30	ep3189780	LE4.22	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LR 2.3

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32622850200001059	DINH YEN NHI	女	2008-07-30	025308003674	LR 2.3	
2	H32622850200001060	LUONG TIEU LINH	女	2008-07-15	025308004945	LR 2.3	
3	H32622850200001061	NGUYEN THUY CHI	女	2008-11-02	025308006594	LR 2.3	
4	H32622850200001062	PHUNG THAO MY	女	2008-11-30	025308007165	LR 2.3	
5	H32622850200001063	HA THU HIEN	女	2008-07-29	025308009373	LR 2.3	
6	H32622850200001064	NGUYEN MINH HUYEN	女	1998-09-26	026198000341	LR 2.3	
7	H32622850200001065	NGUYEN THANH DUY	男	2003-05-05	026203004921	LR 2.3	
8	H32622850200001066	NGUYEN CONG HIEU	男	2004-10-03	026204002230	LR 2.3	
9	H32622850200001067	TRAN VIET PHUONG	男	2008-11-06	026208008317	LR 2.3	
10	H32622850200001068	KHONG MINH DUNG	男	2008-09-07	026208012604	LR 2.3	
11	H32622850200001069	NGUYEN TRUONG GIANG	男	2012-12-16	026212012423	LR 2.3	
12	H32622850200001070	DO XUAN LAM	男	2014-09-10	026214000450	LR 2.3	
13	H32622850200001071	NGUYEN THI MY DUyen	女	2005-03-07	026305007320	LR 2.3	
14	H32622850200001072	LUONG THI THUY HIEN	女	2005-08-27	026305007427	LR 2.3	
15	H32622850200001073	NGUYEN TRAN DIEU LINH	女	2005-04-16	026305011718	LR 2.3	
16	H32622850200001074	NGUYEN TO UYEN	女	2006-01-08	026306005850	LR 2.3	
17	H32622850200001075	NGUYEN LAM VY	女	2008-05-27	026308000777	LR 2.3	
18	H32622850200001076	NGUYEN THI THUYET	女	2008-07-20	026308005565	LR 2.3	
19	H32622850200001077	CHU QUYNH CHI	女	2008-01-20	026308006997	LR 2.3	
20	H32622850200001078	TRAN NHU QUYNH	女	2009-12-08	026309005386	LR 2.3	
21	H32622850200001079	NGUYEN THI LAN	女	1989-05-30	027189000297	LR 2.3	
22	H32622850200001080	DAO THI NGOC HAN	女	1995-10-26	027195007638	LR 2.3	
23	H32622850200001081	TRUONG QUANG VIET	男	2008-09-14	027208006573	LR 2.3	
24	H32622850200001082	LE DINH MINH	男	2008-02-12	027208008194	LR 2.3	
25	H32622850200001083	NGUYEN SY NAM	男	2008-10-11	027208012949	LR 2.3	
26	H32622850200001084	TRINH THI DIEM QUYNH	女	2002-11-05	027302010279	LR 2.3	
27	H32622850200001085	NGO THI BICH PHUONG	女	2003-09-10	027303001428	LR 2.3	
28	H32622850200001086	NGUYEN THI KHANH LY	女	2004-09-23	027304008786	LR 2.3	
29	H32622850200001087	NGUYEN THU HUONG	女	2005-12-14	027305002597	LR 2.3	
30	H32622850200001088	NGUYEN THI QUYNH THU	女	2008-02-14	027308004827	LR 2.3	
31	H32622850200001089	NGO NGOC DIEP	女	2008-01-26	027308005788	LR 2.3	
32	H32622850200001090	NGUYEN ANH THU	女	2008-10-17	027308010738	LR 2.3	
33	H32622850200001091	NGUYEN HONG NHUNG	女	2008-07-25	027308012179	LR 2.3	
34	H32622850200001092	NGUYEN THI THANH HUONG	女	2001-01-11	030301006537	LR 2.3	
35	H32622850200001093	TRAN THI THANH HOA	女	2002-06-12	030302009473	LR 2.3	
36	H32622850200001094	NGUYEN THI KHANH LINH	女	2003-09-24	030303004273	LR 2.3	
37	H32622850200001095	LUU THI THU THAO	女	1992-05-23	031192020233	LR 2.3	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LR 2.4

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32622850200001096	NGUYEN VU KHANH HUYEN	女	2008-07-23	022308010879	LR 2.4	
2	H32622850200001097	VU THUY DUNG	女	2010-07-08	022310000704	LR 2.4	
3	H32622850200001098	DUONG VAN DAO	男	1999-07-26	024099009692	LR 2.4	
4	H32622850200001099	NGUYEN THI NANG	女	1997-03-12	024197003229	LR 2.4	
5	H32622850200001100	PHI VAN TUYEN	男	2003-04-01	024203001868	LR 2.4	
6	H32622850200001101	NGUYEN XUAN TUAN	男	2003-12-13	024203009326	LR 2.4	
7	H32622850200001102	NGUYEN DANG DUC	男	2004-08-04	024204001398	LR 2.4	
8	H32622850200001103	NGUYEN VAN TRUONG	男	2004-07-03	024204001411	LR 2.4	
9	H32622850200001104	TRAN THE KIEN	男	2005-03-20	024205001830	LR 2.4	
10	H32622850200001105	NGUYEN HUU HAI	男	2008-01-13	024208002352	LR 2.4	
11	H32622850200001106	TRAN HUY HOANG	男	2008-08-15	024208010682	LR 2.4	
12	H32622850200001107	NGUYEN NGOC MINH	男	2008-02-21	024208011960	LR 2.4	
13	H32622850200001108	DAO TIEN QUOC KHANH	男	2009-08-19	024209001365	LR 2.4	
14	H32622850200001109	DUONG NGO DUC	男	2009-10-30	024209005097	LR 2.4	
15	H32622850200001110	LE VAN TUAN	男	2009-03-01	024209011262	LR 2.4	
16	H32622850200001111	NGUYEN VAN HAI	男	2009-08-21	024209013433	LR 2.4	
17	H32622850200001112	PHAN THI MAI THU	女	2003-10-08	024303004110	LR 2.4	
18	H32622850200001113	NGUYEN THI NHU HOA	女	2005-01-29	024305002025	LR 2.4	
19	H32622850200001114	HA THUONG THUONG	女	2005-07-31	024305005402	LR 2.4	
20	H32622850200001115	NGUYEN THI LINH	女	2008-02-01	024308001592	LR 2.4	
21	H32622850200001116	NGUYEN THANH THUY	女	2008-02-10	024308002944	LR 2.4	
22	H32622850200001117	NGUYEN THI HUYEN TRANG	女	2008-11-13	024308008384	LR 2.4	
23	H32622850200001118	NGUYEN THI NGOC BICH	女	2008-11-26	024308008869	LR 2.4	
24	H32622850200001119	DAO KHANH LY	女	2008-09-25	024308011132	LR 2.4	
25	H32622850200001120	NGUYEN THAO ANH	女	2009-03-29	024309001110	LR 2.4	
26	H32622850200001121	HA THI NGOC CHAU	女	2009-05-24	024309003071	LR 2.4	
27	H32622850200001122	HOANG THI MINH ANH	女	2009-09-02	024309004724	LR 2.4	
28	H32622850200001123	HA THI THUONG	女	2009-09-19	024309007647	LR 2.4	
29	H32622850200001124	HOANG HA MY	女	2009-10-01	024309009338	LR 2.4	
30	H32622850200001125	NGUYEN LE MINH ANH	女	2010-08-21	024310011724	LR 2.4	
31	H32622850200001126	PHAN TUAN ANH	男	2000-05-09	025200007873	LR 2.4	
32	H32622850200001127	LUU MANH THANG	男	2003-02-02	025203005073	LR 2.4	
33	H32622850200001128	NGUYEN TIEN DAT	男	2003-08-10	025203006892	LR 2.4	
34	H32622850200001129	LUU THI BICH LE	女	2000-11-27	025300002381	LR 2.4	
35	H32622850200001130	GIANG THI YEN NHI	女	2004-02-21	025304001541	LR 2.4	
36	H32622850200001131	DUONG NGOC LAN	女	2005-11-19	025305001972	LR 2.4	
37	H32622850200001132	CU THUY HIEN	女	2005-09-22	025305008083	LR 2.4	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LR 2.6

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32622850200001133	NGUYEN THU TRANG	女	2008-02-04	015308009520	LR 2.6	
2	H32622850200001134	NGUYEN DUONG HA	女	2003-06-29	017303006297	LR 2.6	
3	H32622850200001135	DINH KHANH HUY	男	2003-03-04	019203000640	LR 2.6	
4	H32622850200001136	VU VAN BAC	男	2003-07-18	019203011291	LR 2.6	
5	H32622850200001137	LUONG MINH DUC	男	2004-03-05	019204007066	LR 2.6	
6	H32622850200001138	LE HOAI TRUNG	男	2005-01-24	019205000331	LR 2.6	
7	H32622850200001139	PHAN VAN DUNG	男	2005-06-14	019205004887	LR 2.6	
8	H32622850200001140	NGUYEN GIANG HUY	男	2007-07-08	019207005599	LR 2.6	
9	H32622850200001141	TRAN DINH HOA	男	2008-10-04	019208007414	LR 2.6	
10	H32622850200001142	LAM THI VAN GIANG	女	2000-11-16	019300002358	LR 2.6	
11	H32622850200001143	DAO THI THUY LINH	女	2000-11-30	019300007357	LR 2.6	
12	H32622850200001144	NGUYEN THI LINH CHI	女	2003-10-01	019303001376	LR 2.6	
13	H32622850200001145	NGUYEN THI THUAN	女	2004-07-21	019304006272	LR 2.6	
14	H32622850200001146	NGUYEN THI NGUYEN	女	2004-09-27	019304007946	LR 2.6	
15	H32622850200001147	NGUYEN THI HUONG	女	2004-11-06	019304008937	LR 2.6	
16	H32622850200001148	NGO THI HAI PHUONG	女	2005-12-20	019305001651	LR 2.6	
17	H32622850200001149	CHU PHAM MINH YEN	女	2005-03-27	019305003081	LR 2.6	
18	H32622850200001150	NGUYEN THI HUONG	女	2006-02-09	019306001052	LR 2.6	
19	H32622850200001151	PHAN MAI HOA	女	2007-08-19	019307009172	LR 2.6	
20	H32622850200001152	DUONG LAN ANH	女	2008-01-09	019308003086	LR 2.6	
21	H32622850200001153	VU THI MAI ANH	女	2008-11-16	019308003472	LR 2.6	
22	H32622850200001154	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2008-05-16	019308004890	LR 2.6	
23	H32622850200001155	DO PHUONG QUYNH	女	2008-06-21	019308010252	LR 2.6	
24	H32622850200001156	TRAN NGOC DIEP	女	2008-09-19	019308011368	LR 2.6	
25	H32622850200001157	NGUYEN KHANH NGOC	女	2010-06-23	019310005292	LR 2.6	
26	H32622850200001158	DO THI THU HIEN	女	2012-01-25	019312009761	LR 2.6	
27	H32622850200001159	HOANG THE PHONG	男	2000-12-27	020200000091	LR 2.6	
28	H32622850200001160	HOANG THI LINH KHUYEN	女	2004-06-17	020304000578	LR 2.6	
29	H32622850200001161	LUONG NGOC HUNG	男	2003-09-04	022203003058	LR 2.6	
30	H32622850200001162	DINH VAN SON	男	2004-04-30	022204004642	LR 2.6	
31	H32622850200001163	DUONG DUC THANG	男	2008-08-21	022208011860	LR 2.6	
32	H32622850200001164	DAO THU HUYEN	女	2003-08-30	022303004723	LR 2.6	
33	H32622850200001165	NGUYEN ANH NGUYET	女	2007-06-24	022307007355	LR 2.6	
34	H32622850200001166	NGHIEM QUYNH CHI	女	2008-05-22	022308000105	LR 2.6	
35	H32622850200001167	VI THI DUYEN	女	2008-07-05	022308007052	LR 2.6	
36	H32622850200001168	LE THU TRANG	女	2008-12-12	022308007883	LR 2.6	
37	H32622850200001169	NGUYEN THI THU NGOC	女	2008-12-08	022308008029	LR 2.6	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LR 3.7

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32622850200001170	NGUYEN NGOC TU	男	1993-11-14	001093048460	LR 3.7	
2	H32622850200001171	DAO THI TUYET	女	1997-01-31	001197014353	LR 3.7	
3	H32622850200001172	NGUYEN DUY THAI	男	2003-12-19	001203045103	LR 3.7	
4	H32622850200001173	PHAM TIEN DAT	男	2005-08-13	001205038953	LR 3.7	
5	H32622850200001174	DO THU ANH	女	2003-02-01	001303012352	LR 3.7	
6	H32622850200001175	NGUYEN THI THINH	女	2003-10-02	001303054375	LR 3.7	
7	H32622850200001176	DUONG NGOC MY TAM	女	2004-09-19	001304030301	LR 3.7	
8	H32622850200001177	NGUYEN THI LINH CHI	女	2004-02-12	001304044043	LR 3.7	
9	H32622850200001178	DOAN KHANH VAN	女	2004-05-13	001304044842	LR 3.7	
10	H32622850200001179	NGO NGAN HA	女	2005-03-29	001305024497	LR 3.7	
11	H32622850200001180	NGUYEN THI MAI	女	2005-11-30	001305027449	LR 3.7	
12	H32622850200001181	VUONG THI TUYET TRINH	女	2007-10-01	001307011635	LR 3.7	
13	H32622850200001182	VU TAM ANH	女	2008-11-13	001308002753	LR 3.7	
14	H32622850200001183	LUU PHAN HA LINH	女	2008-11-28	001308030426	LR 3.7	
15	H32622850200001184	HOANG TRUNG TIN	男	2002-07-25	002202005415	LR 3.7	
16	H32622850200001185	HOANG NGOC KHIEM	男	2008-02-28	002208003131	LR 3.7	
17	H32622850200001186	HOANG THI TRA MY	女	2005-02-07	002305001162	LR 3.7	
18	H32622850200001187	TRAN THI HANG	女	2008-03-27	002308001317	LR 3.7	
19	H32622850200001188	NGUYEN LUONG KIEU	女	2008-06-20	002308003493	LR 3.7	
20	H32622850200001189	NGUYEN THI THUY KIEU	女	2008-03-31	002308004814	LR 3.7	
21	H32622850200001190	LUONG YEN NHI	女	2008-04-11	002308009531	LR 3.7	
22	H32622850200001191	NONG THI LAN	女	1996-09-26	004196000871	LR 3.7	
23	H32622850200001192	DINH NGOC TOAN	男	2000-08-28	004200006661	LR 3.7	
24	H32622850200001193	HOANG THU THUYEN	女	2002-06-24	004302000475	LR 3.7	
25	H32622850200001194	NGUYEN THI HOAI THUONG	女	2004-01-09	004304001404	LR 3.7	
26	H32622850200001195	HOANG THI NHA	女	2004-04-10	004304003766	LR 3.7	
27	H32622850200001196	NONG QUYNH CHI	女	2007-11-29	004307002132	LR 3.7	
28	H32622850200001197	NGUYEN THI LY SAN PHIA	女	2007-02-23	006307003207	LR 3.7	
29	H32622850200001198	PHAM THI HUYEN	女	2001-08-30	008301007693	LR 3.7	
30	H32622850200001199	NGUYEN HAI ANH	女	2002-03-02	008302004249	LR 3.7	
31	H32622850200001200	PHUNG VIET HOANG	男	1999-11-19	010099000251	LR 3.7	
32	H32622850200001201	CAO BICH HOI	女	1995-04-01	010195006153	LR 3.7	
33	H32622850200001202	VU THI HONG NHUNG	女	2008-12-26	014308006945	LR 3.7	
34	H32622850200001203	TRAN THANH CONG	男	2003-05-06	015203000911	LR 3.7	
35	H32622850200001204	LO HOANG MINH	男	2007-08-11	015207005399	LR 3.7	
36	H32622850200001205	SUNG HUONG LAN	女	2002-11-01	015302000146	LR 3.7	
37	H32622850200001206	DANG THUY TRANG	女	2008-02-16	015308001496	LR 3.7	